

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét | 7 – 40 |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022</i> | <i>7 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>14 – 40</i> |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 là 195.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 65 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|---------------------|----------------|-------------------------------------|
| Nguyễn Quốc Thái | Chủ tịch | |
| Bà Nguyễn Thị Quy | Ủy viên | |
| Bà Nguyễn Thị Vinh | Ủy viên | |
| Ông Phạm Như Cường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Lê Thị Hoài Anh | Ủy viên | |
| Bà Bạch Phương Vinh | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Phùng Thị Hà | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Như Thùy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Ông Hà Huy Thuyết | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Nguyễn Thị Huế | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thị Quy | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Mai Liên | Phó Tổng Giám đốc |
| Phạm Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Là Thị Mai Liên

Theo giấy ủy quyền số 01/2022/UQ-PHS ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Số : 2306.02/2022/HĐKT-NVT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022 từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 252.708.877.100 | 46.878.486.558 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 6.295.385.562 | 6.998.617.455 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.295.385.562 | 6.998.617.455 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 20.020.700.000 | 17.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2 | 20.020.700.000 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 17.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 217.394.857.259 | 15.277.727.005 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 2.469.276.885 | 2.835.190.244 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.290.539.712 | 61.467.619 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 5.850.000.000 | 3.400.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 207.828.777.940 | 9.024.806.420 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (43.737.278) | (43.737.278) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 8.444.724.698 | 6.778.978.725 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 8.444.724.698 | 6.778.978.725 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 553.209.581 | 823.163.373 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 114.346.447 | 236.125.264 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 374.387.760 | 525.809.322 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 64.475.374 | 61.228.787 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 20.373.378.366 | 201.331.179.179 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 180.400.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | - | 180.400.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 9.486.971.857 | 9.399.918.326 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 9.486.971.857 | 9.399.918.326 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 17.376.007.195 | 17.421.723.710 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (7.889.035.338) | (8.021.805.384) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 168.000.000 | 168.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (168.000.000) | (168.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 6.284.780.463 | 6.674.000.003 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.12 | 6.284.780.463 | 6.674.000.003 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.601.626.046 | 4.857.260.850 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 4.601.626.046 | 4.857.260.850 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 273.082.255.466 | 248.209.665.737 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 72.903.686.728 | 48.392.224.892 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 33.086.202.779 | 10.744.540.378 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 21.795.686.485 | 1.304.219.307 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 94.422.000 | 116.168.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 95.659.799 | 215.550.859 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 309.209.100 | 340.944.855 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16a | 233.181.817 | 200.363.619 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 158.082.965 | 115.072.798 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 10.323.608.113 | 8.375.868.440 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 76.352.500 | 76.352.500 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 39.817.483.949 | 37.647.684.514 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.16b | 1.366.198.870 | 2.732.399.435 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 156.000.000 | 120.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 38.295.285.079 | 34.795.285.079 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 200.178.568.738 | 199.817.440.845 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 200.178.568.738 | 199.817.440.845 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 195.000.000.000 | 195.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 195.000.000.000 | 195.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 29.736.000 | 29.736.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 205.199.847 | 205.199.847 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 464.211.628 | 464.211.628 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 4.479.421.263 | 4.118.293.370 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 4.118.293.370 | 3.066.973.935 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 361.127.893 | 1.051.319.435 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 273.082.255.466 | 248.209.665.737 |

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng



Phùng Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 11.487.971.944 | 10.202.165.058 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 27.728.688 | 34.922.344 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 11.460.243.256 | 10.167.242.714 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 7.469.352.741 | 5.534.899.288 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 3.990.890.515 | 4.632.343.426 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 518.012.198 | 112.436.698 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 313.790.554 | 183.635.516 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 313.790.554 | 183.635.516 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 1.283.302.039 | 1.457.077.115 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 2.481.911.673 | 2.731.173.413 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 429.898.447 | 372.894.080 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 48.400.549 | 11.036.423 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 21.511.304 | 68.240 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 26.889.245 | 10.968.183 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 456.787.692 | 383.862.263 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 95.659.799 | 76.772.452 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>361.127.893</u> | <u>307.089.811</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.12 | <u>19</u> | <u>30</u> |

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Lã Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 456.787.692 | 383.862.263 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 508.513.287 | 795.238.315 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | 19.305.503 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (563.466.743) | (158.734.026) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 313.790.554 | 236.226.988 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 715.624.790 | 1.275.899.043 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (19.001.606.356) | (130.996.401.011) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.276.526.433) | (950.806.125) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 19.183.131.223 | (1.104.471.004) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 377.413.621 | (6.608.185.801) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (20.020.700.000) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (313.790.554) | (236.226.988) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (215.068.859) | (340.350.369) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (20.551.522.568) | (138.960.542.255) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (655.123.500) | (464.229.272) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 50.000.000 | 520.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.450.000.000) | (700.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 18.000.000.000 | 500.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 455.674.502 | 148.607.997 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 14.400.551.002 | 4.378.725 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 130.000.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 8.114.208.113 | 10.234.866.319 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (2.666.468.440) | (422.268.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | (90.352.500) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 5.447.739.673 | 139.722.245.819 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (703.231.893) | 766.082.289 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 6.998.617.455 | 3.907.414.389 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 6.295.385.562 | 4.673.496.678 |

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ tài chính bao gồm:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê mặt bằng./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. **Số người lao động tại 30 tháng 06 năm 2022**: 44 người (số lao động đầu năm là 43 người).

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021 và số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 |

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 4.008.503.466 | 4.200.753.458 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.286.882.096 | 2.797.863.997 |
| Cộng | <u>6.295.385.562</u> | <u>6.998.617.455</u> |

2. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|----------------------------|--------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|-----------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Cổ phiếu kinh doanh</i> | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP | | | | | | |
| Đại chúng Việt Nam | 2.002.070 | 20.002.070.000 | - | - | - | - |

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <u>900.219.222</u> | <u>1.551.684.908</u> |
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng | 900.219.222 | 1.551.684.908 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <u>1.569.057.663</u> | <u>1.283.505.336</u> |
| Công ty TNHH Best Express (Việt Nam) | 230.655.411 | 228.450.947 |
| Bệnh viện Gang Thép | 200.675.500 | 96.244.400 |
| Các khách hàng khác | 1.137.726.752 | 958.809.989 |
| Cộng | <u>2.469.276.885</u> | <u>2.835.190.244</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng Hà Phong | 780.000.000 | - |
| Ông Trịnh Gia Tùng | 395.335.212 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 115.204.500 | 61.467.619 |
| Cộng | <u>1.290.539.712</u> | <u>61.467.619</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Cho bà Phạm Hồng Hạnh vay lãi suất 7,5%/năm | 750.000.000 | - |
| Cho bà Trần Thị Thúy vay lãi suất 7,5%/năm | 800.000.000 | 800.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Thị Hải Hà vay lãi suất 7,5%/năm | 800.000.000 | 800.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay lãi suất 7,5%/năm | 600.000.000 | - |
| Cho bà Nguyễn Thị Hương vay lãi suất 7,5%/năm | 700.000.000 | - |
| Cho bà Nguyễn Hồng Mỹ vay lãi suất 7,5%/năm | 850.000.000 | - |
| Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay lãi suất 7,5%/năm | 550.000.000 | - |
| Cho bà Nguyễn Thị Lan vay lãi suất 7,5%/năm | - | 500.000.000 |
| Cho bà Dương Thị Thanh Hương vay lãi suất 7,5%/năm | - | 500.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Thị Lê vay lãi suất 7,5%/năm | 800.000.000 | 800.000.000 |
| Cộng | <u>5.850.000.000</u> | <u>3.400.000.000</u> |

6. Các khoản phải thu khác**a, Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 206.250.350.000 | - | 7.233.350.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Quy- Tạm ứng (1) | 65.850.350.000 | - | 7.233.350.000 | - |
| Bà Lã Thị Mai Liên - Tạm ứng (2) | 5.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (3) | 135.400.000.000 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.578.427.940 | - | 1.791.456.420 | - |
| Tạm ứng | 532.958.000 | - | 1.035.000.000 | - |
| Phải thu tiền lãi cho vay | 190.228.112 | - | 127.890.416 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 855.241.828 | - | 628.566.004 | - |
| Cộng | <u>207.828.777.940</u> | - | <u>9.024.806.420</u> | - |

(1) Bao gồm các khoản tạm ứng để thực hiện công việc:

- Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, số tiền 14.425.350.000 đồng

- Tạm ứng để thực hiện đàm phán mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát, số tiền tạm ứng 51.425.000.000 VND. Đến thời điểm 15 tháng 8 năm 2022, Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 4.675.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cao Dương Phát từ bà Nguyễn Thị Dung với giá chuyển nhượng là 51.425.000.000 VND, chiếm 55% tổng số cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát. Công ty đang thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận cho số cổ phần trên.

(2) Là khoản tạm ứng để thực hiện xây dựng công trình tại Nhà sách huyện Phô Yên và Phú Lương.

(3) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Cụ thể, tổng số tiền thu hồi: 180.400.000.000 VND, trong đó năm 2022 là 90.400.000.000 VND, năm 2023 là 90.000.000.000 VND. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND

b, Dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | 180.400.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh | - | - | 180.400.000.000 | - |
| Cộng | - | - | 180.400.000.000 | - |

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|---------------------------|-------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|---------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam | Trên 3 năm | 6.078.219 | (6.078.219) | Trên 3 năm | 6.078.219 | (6.078.219) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG | Trên 3 năm | 12.403.559 | (12.403.559) | Trên 3 năm | 12.403.559 | (12.403.559) |
| Công ty Cổ phần May Xuất khẩu SiL - Han | Không có khả năng thu hồi | 25.255.500 | (25.255.500) | Không có khả năng thu hồi | 25.255.500 | (25.255.500) |
| Cộng | | 43.737.278 | (43.737.278) | | 43.737.278 | (43.737.278) |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng hóa | 8.444.724.698 | - | 6.778.978.725 | - |
| Cộng | 8.444.724.698 | - | 6.778.978.725 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

a, Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 682.830 | 2.731.332 |
| Công cụ dụng cụ | 9.636.365 | - |
| Chi phí thuê địa điểm kinh doanh | 40.909.088 | 122.727.272 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 63.118.164 | 110.666.660 |
| Cộng | <u>114.346.447</u> | <u>236.125.264</u> |

b, Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 3.152.626.046 | 2.580.260.850 |
| Dịch vụ vận chuyển trả trước | 1.449.000.000 | 2.277.000.000 |
| Cộng | <u>4.601.626.046</u> | <u>4.857.260.850</u> |

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 14.750.061.815 | 179.970.582 | 2.491.691.313 | 17.421.723.710 |
| Mua TSCĐ trong kỳ | - | 45.566.818 | 550.000.000 | 595.566.818 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (641.283.333) | (641.283.333) |
| Số cuối kỳ | <u>14.750.061.815</u> | <u>225.537.400</u> | <u>2.400.407.980</u> | <u>17.376.007.195</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 662.451.960 | 179.970.582 | 979.802.333 | 1.822.224.875 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 6.559.490.255 | 179.970.582 | 1.282.344.547 | 8.021.805.384 |
| Khấu hao trong kỳ | 311.076.180 | 759.447 | 196.677.660 | 508.513.287 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (641.283.333) | (641.283.333) |
| Số cuối kỳ | <u>6.870.566.435</u> | <u>180.730.029</u> | <u>837.738.874</u> | <u>7.889.035.338</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | <u>8.190.571.560</u> | <u>-</u> | <u>1.209.346.766</u> | <u>9.399.918.326</u> |
| Số cuối kỳ | <u>7.879.495.380</u> | <u>44.807.371</u> | <u>1.562.669.106</u> | <u>9.486.971.857</u> |

Tài sản cố định là “Nhà làm việc và bán hàng”, “Cửa hàng sách Phố Yên” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 9.309.766.336 VND và 4.798.275.304 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊNĐịa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 6.284.780.463 | - | 6.674.000.003 | - |
| Cộng | 6.284.780.463 | - | 6.674.000.003 | - |

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>20.002.070.000</i> | <i>20.002.070.000</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*) | 20.002.070.000 | 20.002.070.000 | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>1.793.616.485</i> | <i>1.793.616.485</i> | <i>1.304.219.307</i> | <i>1.304.219.307</i> |
| Công ty TNHH Thái Minh Thành | 237.209.549 | 237.209.549 | 36.992.321 | 36.992.321 |
| Công ty TNHH Thương mại Sao Nam | 223.955.243 | 223.955.243 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.332.451.693 | 1.332.451.693 | 1.267.226.986 | 1.267.226.986 |
| Cộng | 21.795.686.485 | 21.795.686.485 | 1.304.219.307 | 1.304.219.307 |

(*) Là khoản phải trả về mua cổ phần Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 001/HĐCN/PVCOMBANK giữa Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL | 62.648.000 | 116.168.000 |
| Các khách hàng khác | 31.774.000 | - |
| Cộng | 94.422.000 | 116.168.000 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số phải nộp đầu năm | Số thuế nộp thừa đầu năm | Số phải nộp phát sinh trong năm | Số đã nộp | Số phải nộp cuối kỳ | Số thuế nộp thừa cuối kỳ |
|--------------------|---------------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------|---------------------|--------------------------|
| Thuế TNDN | 215.068.859 | - | 95.659.799 | (215.068.859) | 95.659.799 | - |
| Thuế TNCN | 482.000 | - | 709.250 | (1.914.538) | - | 723.288 |
| Tiền thuê đất | - | 61.228.787 | 92.307.360 | (94.830.659) | - | 63.752.086 |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - | - |
| Cộng | 215.550.859 | 61.228.787 | 192.676.409 | (315.814.056) | 95.659.799 | 64.475.374 |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất GTGT như sau:

Doanh thu từ dịch vụ dạy học

5%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Doanh thu các mặt hàng còn lại*

8% và 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Doanh thu chưa thực hiện***a, Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn***

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi nhánh công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT tại Hà Nội | 98.181.817 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội | - | 196.363.619 |
| Các khách hàng khác | 135.000.000 | 4.000.000 |
| Cộng | <u>233.181.817</u> | <u>200.363.619</u> |

b, Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện của các bên liên quan</i> | | |
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng | 1.366.198.870 | 2.732.399.435 |
| Cộng | <u>1.366.198.870</u> | <u>2.732.399.435</u> |

17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác***a, Phải trả ngắn hạn khác***

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <u>114.372.000</u> | <u>114.372.000</u> |
| Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả | 114.372.000 | 114.372.000 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <u>43.710.965</u> | <u>700.798</u> |
| Kinh phí công đoàn | 5.563.425 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 38.147.540 | 700.798 |
| Cộng | <u>158.082.965</u> | <u>115.072.798</u> |

b, Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Cầm cố, ký cược ký quỹ | 156.000.000 | 120.000.000 |
| Cộng | <u>156.000.000</u> | <u>120.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1)</i> | 9.749.279.254 | 9.749.279.254 | 8.375.868.440 | 8.375.868.440 |
| <i>Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)</i> | 574.328.859 | 574.328.859 | - | - |
| Cộng | 10.323.608.113 | 10.323.608.113 | 8.375.868.440 | 8.375.868.440 |

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được ra hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2022, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

(2) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 66966.21.092.858087.TD ngày 24 tháng 12 năm 2021. Hạn mức khoản vay là 5.000.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ Thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, Thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 267839, cấp ngày 10 tháng 09 năm 2014.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan | - | 1.200.000.000 | - | (1.200.000.000) | - |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 8.375.868.440 | 3.414.208.113 | - | (1.466.468.440) | 10.323.608.113 |
| Cộng | 8.375.868.440 | 4.614.208.113 | - | (2.666.468.440) | 10.323.608.113 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (3)</i> | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 34.795.285.079 | 34.795.285.079 |
| Cộng | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 34.795.285.079 | 34.795.285.079 |

(3) Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng với lãi suất 7,5%/năm. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty.

Chi tiết về số phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 34.795.285.079 | 3.500.000.000 | - | 38.295.285.079 |
| Cộng | 34.795.285.079 | 3.500.000.000 | - | 38.295.285.079 |

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng | 38.176.250 | 38.176.250 |
| Quỹ phúc lợi | 38.176.250 | 38.176.250 |
| Cộng | 76.352.500 | 76.352.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 3.066.973.935 | 198.766.121.410 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 1.051.319.435 | 1.051.319.435 |
| Số dư cuối năm trước | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 4.118.293.370 | 199.817.440.845 |
| Số dư đầu năm nay | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 4.118.293.370 | 199.817.440.845 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | 365.430.154 | 365.430.154 |
| Số dư cuối kỳ | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 4.483.723.524 | 200.182.870.999 |

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|--------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 36.000.000.000 | 18,46% | 36.000.000.000 | 18,46% |
| Bà Nguyễn Thị Vinh | 21.550.200.000 | 11,05% | 21.550.200.000 | 11,05% |
| Bà Nguyễn Thị Quy | 26.216.200.000 | 12,54% | 26.216.200.000 | 12,54% |
| Bà Bạch Phương Vinh | 21.546.000.000 | 11,05% | 21.546.000.000 | 11,05% |
| Các cổ đông khác | 89.687.600.000 | 46,90% | 89.687.600.000 | 46,90% |
| Cộng | 195.000.000.000 | 100,00% | 195.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 19.500.000 | 19.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------|--|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 7.694.739.757 | 7.325.783.234 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3.793.232.187 | 2.876.381.824 |
| Cộng | <u>11.487.971.944</u> | <u>10.202.165.058</u> |

Giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan phát sinh trong kỳ như sau:

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.156.157.119 | 213.245.256 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.432.395.851 | 1.468.018.181 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-----------------------|--|--------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chiết khấu thương mại | 27.728.688 | 34.922.344 |
| Cộng | <u>27.728.688</u> | <u>34.922.344</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------|--|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 5.916.422.507 | 4.174.611.481 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.552.930.234 | 1.360.287.807 |
| Cộng | <u>7.469.352.741</u> | <u>5.534.899.288</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 518.012.198 | 112.436.698 |
| Cộng | 518.012.198 | 112.436.698 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 313.790.554 | 183.635.516 |
| Cộng | 313.790.554 | 183.635.516 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.007.234.540 | 1.271.775.800 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | - | 45.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 79.332.156 | 86.830.959 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 78.937.178 | 66.964.722 |
| Các chi phí khác | 117.798.165 | 31.460.634 |
| Cộng | 1.283.302.039 | 1.457.077.115 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 544.048.120 | 677.014.700 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 429.181.131 | 318.323.898 |
| Thuế, phí và lệ phí | 179.961.459 | 129.393.945 |
| Chi phí dự phòng | - | (22.259.177) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.552.373 | 8.629.507 |
| Các chi phí khác | 1.319.168.590 | 1.620.070.540 |
| Cộng | 2.481.911.673 | 2.731.173.413 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công nợ không phải trả | - | 8.036.423 |
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 45.454.545 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 2.946.004 | 3.000.000 |
| Cộng | 48.400.549 | 11.036.423 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế | 20.511.304 | - |
| Chi phí khác | 1.000.000 | 68.240 |
| Cộng | 21.511.304 | 68.240 |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 456.787.692 | 383.862.263 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 21.511.304 | - |
| <i>Phạt chậm nộp thuế</i> | 20.511.304 | - |
| <i>Chi phí khác</i> | 1.000.000 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 478.298.996 | 383.862.263 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 95.659.799 | 76.772.452 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | | |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 95.659.799 | 76.772.452 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 45.000 |
| Chi phí nhân công | 2.134.583.820 | 2.159.951.817 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 508.513.287 | 405.154.857 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.447.338.165 | 1.224.720.719 |
| Chi phí khác | 1.616.928.214 | 1.758.665.942 |
| Cộng | 5.707.363.486 | 5.548.538.335 |

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 365.430.154 | 307.089.811 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 365.430.154 | 307.089.811 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 19.500.000 | 19.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 19 | 16 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 19.500.000 | 19.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 19.500.000 | 19.000.000 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bà Nguyễn Thị Quy | | |
| Chi trả thù lao HĐQT | - | 42.360.000 |
| Chi tiền tạm ứng | 62.296.000.000 | 6.500.000.000 |
| Thu tiền tạm ứng | 3.679.000.000 | - |
| Bà Lã Thị Mai Liên | | |
| Tạm ứng | 5.000.000.000 | - |
| Nguyễn Quốc Thái | | |
| Nhận tiền đi vay | 1.200.000.000 | - |
| Trả tiền vay | 1.200.000.000 | - |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6a, V.17a

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Kỳ này |
|------------------------|--------------------------|------------|
| Bà Lã Thị Mai Liên | Phó Tổng Giám đốc | 70.973.000 |
| Bà Phùng Thị Hà | Kế toán trưởng | 66.355.000 |
| Ông Phạm Như Cường | Thành viên Ban kiểm soát | 68.348.000 |
| Bà Nguyễn Thị Minh | Thành viên Ban kiểm soát | 46.019.000 |
| Bà Nguyễn Thị Như Thùy | Thành viên Ban kiểm soát | 42.034.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--------------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | Cổ đông lớn |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| <i>Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng</i> | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 1.307.052.468 | 222.176.709 |
| Thu tiền bán hàng | 1.958.518.154 | 2.419.661.419 |
| Nhận tiền đi vay | 3.500.000.000 | 5.089.147.260 |
| Phải trả tiền mua chứng khoán kinh doanh | 20.002.070.000 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trong kỳ | 65.454.545 | 1.468.018.181 |
| Thu hồi tiền hợp tác kinh doanh | 45.000.000.000 | - |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2, V3, V.6a, V.6b, V13, V.18b.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

Lĩnh vực thương mại

Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản và dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản và dịch vụ khác | Cộng |
|---|----------------------------|--|-----------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 7.667.011.069 | 3.793.232.187 | 11.460.243.256 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 7.667.011.069 | 3.793.232.187 | 11.460.243.256 |
| Chi phí theo bộ phận | 5.916.422.507 | 1.552.930.234 | 7.469.352.741 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1.750.588.562 | 2.240.301.953 | 3.990.890.515 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | 3.765.213.712 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 225.676.803 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 518.012.198 |
| Chi phí tài chính | | | 313.790.554 |
| Thu nhập khác | | | 48.400.549 |
| Chi phí khác | | | 21.511.304 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | 95.659.799 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 361.127.893 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 1.492.919.470 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | 1.661.500.743 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản | Cộng |
|--|----------------------------|--|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 13.421.644.500 | 10.905.745.961 | 24.327.390.461 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 3.548.304.349 | 972.661.186 | 4.520.965.535 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 244.233.899.470 |
| Tổng tài sản | | | 273.082.255.466 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 48.362.021.193 | 4.520.965.535 | 52.882.986.728 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 20.020.700.000 |
| Tổng nợ phải trả | | | 72.903.686.728 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.295.385.562 | 6.998.617.455 | 6.295.385.562 | 6.998.617.455 |
| Phải thu khách hàng | 2.425.539.607 | 2.791.452.966 | 2.425.539.607 | 2.791.452.966 |
| Các khoản cho vay | 5.850.000.000 | 3.400.000.000 | 5.850.000.000 | 3.400.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 207.828.777.940 | 9.024.806.420 | 207.828.777.940 | 9.024.806.420 |
| Cộng | 222.399.703.109 | 22.214.876.841 | 222.399.703.109 | 22.214.876.841 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 48.618.893.192 | 43.171.153.519 | 48.618.893.192 | 43.171.153.519 |
| Phải trả người bán | 21.795.686.485 | 1.304.219.307 | 21.795.686.485 | 1.304.219.307 |
| Các khoản phải trả khác | 779.292.065 | 696.017.653 | 779.292.065 | 696.017.653 |
| Cộng | 71.193.871.742 | 45.171.390.479 | 71.193.871.742 | 45.171.390.479 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 10.323.608.113 | 38.295.285.079 | - | 48.618.893.192 |
| Phải trả người bán | 21.795.686.485 | - | - | 21.795.686.485 |
| Các khoản phải trả khác | 623.292.065 | 156.000.000 | - | 779.292.065 |
| Cộng | 32.742.586.663 | 38.451.285.079 | - | 71.193.871.742 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 8.375.868.440 | 34.795.285.079 | - | 43.171.153.519 |
| Phải trả người bán | 1.304.219.307 | - | - | 1.304.219.307 |
| Các khoản phải trả khác | 576.017.653 | 120.000.000 | - | 696.017.653 |
| Cộng | 10.256.105.400 | 34.915.285.079 | - | 45.171.390.479 |

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh cùng kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập bởi Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên.

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Lã Thị Mai Liên